

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
XANH HUÊ PHƯƠNG VN**

越南惠芳绿色环境一成员有限责任公司

**Ấp Bến Rộng, xã Thanh Đức, huyện Gò Dầu, Tỉnh
Tây Ninh**

西寧省鵝油縣盛德鄉寬邊邑

Số (编号): HP129/24/HĐXL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**越南社会主义共和国
独立-自由-幸福**

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

西寧省 2024 年 08 月 10 日

HỢP ĐỒNG THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

废弃物处理和收集运输合同

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

根据越南社会主义共和国国会 2015 年 11 月 24 日通过的 91/2015/QH13 号《民事法》。

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam;

根据越南社会主义共和国政府 2020 年 11 月 17 日颁发的第 72/2020/QH14 号环保法；

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ;

根据自然资源与环境部 2022 年 01 月 10 日颁发的第 02/2022/TT-BTNMT 号关于环境保护法条若干条款实施细节的通知；

- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022;

根据越南政府 2022 年 01 月 10 日环境保护法若干条款实施细节的第 08/2022/NĐ-CP 号议；

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH BROTEX (Việt Nam),

据百隆（越南）有限公司的需求。 ,

- Tại địa điểm: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

地點: 越南華方綠環境一成員 責任有限公司

Chúng tôi gồm/双方有:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

甲方 : 越南惠芳律環境責任有限公司

Địa chỉ : Tổ 5, ấp Bến Rộng, xã Thanh Đức, huyện Gò Dầu Tây Ninh

地址 : 西寧省鵝油縣盛德社寬邊區第 5 組

Điện thoại/電話 : 0276-3855345

Fax/傳真: 0276-3855234

Mã số thuế/稅號: 3900995360

Tên tài khoản : Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN

帳戶 : 越南惠芳律環境責任有限公司

Số tài khoản/帳號 : 050023401158

Tên ngân hàng : tại ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Tây Ninh

2.1 交收方式

- Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B. Hai bên phải đối chiếu từng loại số lượng chất thải giao nhận, ký xác nhận số lượng vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho).

乙方交废料给甲方在乙方仓库。双方需要对好每种废料交收数量，签收确认在交收单据（出货单）与据资源和环境部处理废料的单据。

- Hàng tháng Bên A sẽ thu gom và xử lý cho Bên B 01(một) lần hoặc khi Bên B có yêu cầu. Bên B báo trước cho Bên A 02 ngày bằng fax hoặc điện thoại để Bên A sắp xếp.

每月一次甲方会收购与处理给乙方或乙方需要时。乙方要提前两天传真通知乙方或打电话通知让甲方安排工作

- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải, Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại điều 1.

甲方和乙方交收废料时，甲方只收在以上第一条名单所提出的废料。

- Khi giao nhận hai bên phải ký xác nhận số lượng theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ban hành.

交收时双方需要签收数量与资源和环境发布单据的格式

- Khi giao nhận chất thải Bên A và Bên B có trách nhiệm giao và nhận chất thải bằng các phương tiện vận chuyển đã được đăng ký trong giấy phép hành nghề quản lý CTNH (Mã QLCTNH: 3-4-5-6.050.VX) của Bên A do Bộ tài Nguyên và Môi Trường cấp.

交收废料时，甲方，乙方有责任按环保环境总局签发给甲方商业登记交和收废料运输方式单（编号 QLCTNH:3-4-5-6.050.VX）

2.2 Địa điểm giao nhận Tại nhà máy Công ty TNHH (Brotex Việt Nam) theo địa chỉ trên.

2.2: 交收地址：在百隆（越南）有限公司以上地址

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng.

第三条：履行合同时间

- Từ ngày 10/08/2024 đến 10/08/2025.

2024年08月10日至2025年08月10日

Điều 4. Phương thức thanh toán

第四条：付款方式

- Bên B thanh toán cho Bên A chi phí xử lý chất thải trong vòng 07 ngày sau khi Bên A cung cấp chứng từ CTNH và hoá đơn tài chính cho Bên B.

乙方在甲方7天内提供危险废料单据与财务发票支付给甲方处理危险废物费用

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản

付款方式为转款

Điều 5. Trách nhiệm của hai bên.

第五条：双方责任

5.1 Trách nhiệm Bên A

5.1 甲方的责任

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển chất thải ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của bên A

在双方商量未达到统一意见的情况就投诉给法庭解决。法庭的决定就是最后的决定。所有费用在纠纷解决过程中就由哪方有错误承担支付。

• Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

本合同一式 04 份，各方 02 份，具有相同的法律价值。

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký./.

合同有效期从当日会签

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表



LÊ THIÊN TỬ

ĐẠI HIỆN BÊN B

大英帝国

TNHH

BROTEX

VIỆT NAM

TRƯỜNG KHUÊ

214

3901157636 - C.A.

TỈNH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 154/2024/3-4-5-6.005.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Tráng Bàng, Phường An Tịnh, TX Tráng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) Mã số QLCTNH: 72000505.T
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đồng, Xã Phước Đồng, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh ĐT:
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01		TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	16070	PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập: (không)
Số hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 70C-04374

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký: Ngày: 12/01/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:..... Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tây Ninh, ngày 12/01/2024


(Chữ ký, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc tiếp nhận tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 5


(Chữ ký, đóng dấu)

Tây Ninh, ngày 12/01/2024

(Chữ ký, đóng dấu) Thiện Lợi

@Liên số: 10-20-30-40

Ghi chú:.....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ TÂY NINH		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 387/2024/3-4-5-6.005.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005.VX					
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây NinhĐT: 02763898322							
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:.....					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)		Mã số QLCTNH: 72000505.T					
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	2390	TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03	30	Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	60	Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (hân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố định/kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
Xuất khẩu CTNH: (không)		Nước nhập khẩu: (không)		Cửa khẩu nhập (không)			
hiệu phương tiện: (không)		Ngày xuất cảng: (không)		Cửa khẩu xuất: (không)			
Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
hiệu phương tiện vận chuyển: 70C-04374							
1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký: Ngày: 12/01/2024							
2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký: Ngày:							
Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Tây Ninh, ngày 22 tháng 01 năm 2024				Tây Ninh, ngày 12 tháng 01 năm 2024			
							
Liên số: 10-20-30-40							
i chú:.....							
i rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

INH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 689/2024/3-4-5-6.005.VX

Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX

Chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây NinhĐT: 02763898322

Chỉ cơ sở:

ĐT:

Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Chỉ văn phòng:

ĐT:

Chỉ cơ sở:

ĐT:

Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)

Mã số QLCTNH: 72000505.T

Chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

ĐT:

Chỉ cơ sở:

ĐT:

Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

T	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	1800	TĐ
	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03	30	Súc Rửa
	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT

lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Công nghệ kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

Ất khẩu CTNH: (không)

Nước nhập khẩu: (không)

Cửa khẩu nhập (không)

Loại phương tiện: (không)

Ngày xuất cảng: (không)

Cửa khẩu xuất: (không)

Đã nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Loại phương tiện vận chuyển: 70C-16162

Người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký: Ngày: 27/02/2024

Người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Tây Ninh, ngày 02 tháng 02 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC

Điện số: 10-20-30-40

Chú:

Trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ TÂY NINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 1090/2024/3-4-5-6.005.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX					
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322							
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:.....					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)		Mã số QLCTNH: 72000505.T					
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	2090	TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	60	Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13	20	PT
12	Bóng cách nhiệt	x			11 06 01		HR
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cấp/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
i. Xuất khẩu CTNH: (không)		Nước nhập khẩu: (không)		Cửa khẩu nhập (không)			
Số hiệu phương tiện: (không)		Ngày xuất cảng: (không)		Cửa khẩu xuất: (không)			
l. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 70C-11662							
1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện				Ký:		Ngày: 23/03/2024	
2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:				Ký:		Ngày:	
3. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 1-12			
Tây Ninh, ngày 23 tháng 03 năm 2024				Tháng 03 năm 2024			
 (Chữ ký, đóng dấu)				 (Chữ ký, đóng dấu)			
Liên số: 10-20-30-40							
Chú ý:.....							
ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 797/2024/3-4-5-6.005.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) Mã số QLCTNH: 72000505.T

Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01		TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
12	Bóng cách nhiệt	x			11 06 01	4870	HR

Thi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố định/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập: (không)
hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

Kác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
hiệu phương tiện vận chuyển: 70C-10472

Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký: Ngày: 05/03/2024

Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (theo mẫu) và đồng ý chuyển giao tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Tây Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2024



(Chữ ký, đóng dấu)



(Chữ ký, đóng dấu)

Liên số: 10-20-30-40

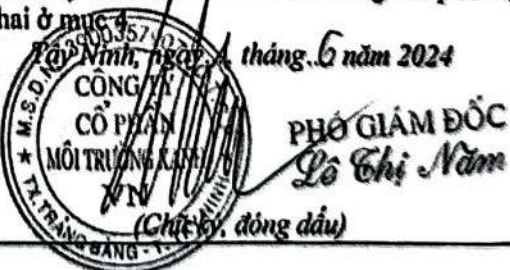
Chú:

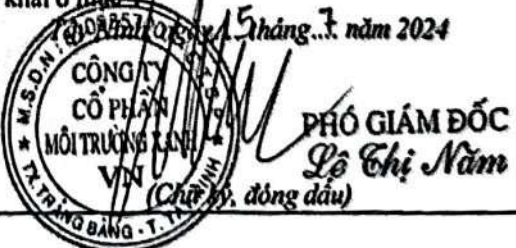
Đã rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ TÂY NINH			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 783/2024/3-4-5-6.005.VX				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN			Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX				
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322							
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....							
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:			Mã số QLCTNH:				
Địa chỉ văn phòng:ĐT:.....							
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....							
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)			Mã số QLCTNH: 72000505.T				
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh ĐT:							
Địa chỉ cơ sở:ĐT:							
1. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01		TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
12	Bóng cách nhiệt	x			11 06 01	4090	HR
Thi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố định/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
Xuất khẩu CTNH: (không)		Nước nhập khẩu: (không)		Cửa khẩu nhập (không)			
hiệu phương tiện: (không)		Ngày xuất cảng: (không)		Cửa khẩu xuất: (không)			
Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
hiệu phương tiện vận chuyển: 70C-10472							
. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký:Ngày: 04/03/2024							
. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:.....Ngày:							
Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai trong chứng từ này.							
Tây Ninh, ngày 04 tháng 03 năm 2024				Tây Ninh, ngày 04 tháng 03 năm 2024			
							
(Chữ ký, đóng dấu)				(Chữ ký, đóng dấu)			
Liên số: 1a-2a-3a-4a							
i chú:.....							
i rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ TÂY NINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 783/2024/3-4-5-6.005.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX					
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Tráng Bàng, Phường An Tịnh, TX Tráng Bàng, Tỉnh Tây NinhĐT: 02763898322							
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)		Mã số QLCTNH: 72000505.T					
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01		TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
0	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
1	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
2	Bông cách nhiệt	x			11 06 01	4090	HR
hi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (in tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lỏng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
uất khẩu CTNH: (không)		Nước nhập khẩu: (không)		Cửa khẩu nhập (không)			
iệu phương tiện: (không)		Ngày xuất cảng: (không)		Cửa khẩu xuất: (không)			
ic nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
iệu phương tiện vận chuyển: 70C-10472							
ịọ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký:Ngày: 04/03/2024							
ịọ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:Ngày:							
ú nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai			
Tây Ninh, ngày 04 Tháng 03 năm 2024				thành phố Tây Ninh, ngày 04 tháng 03 năm 2024			
							
(Chữ ký, đóng dấu)				(Chữ ký, đóng dấu)			
số: 10-20-30-40							
trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ TÂY NINH			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 768/2024/3-4-5-6.005.VX				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN			Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX				
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây NinhĐT: 02763898322							
Địa chỉ cơ sở:			ĐT:.....				
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:			Mã số QLCTNH:				
Địa chỉ văn phòng:			ĐT:.....				
Địa chỉ cơ sở:			ĐT:.....				
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)			Mã số QLCTNH: 72000505.T				
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh			ĐT:				
Địa chỉ cơ sở:			ĐT:				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01		TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
12	Bóng cách nhiệt	x			11 06 01	4120	HR
Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cấp đông/kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
. Xuất khẩu CTNH: (không)		Nước nhập khẩu: (không)		Cửa khẩu nhập (không)			
. Mã hiệu phương tiện: (không)		Ngày xuất cảng: (không)		Cửa khẩu xuất: (không)			
. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
. Mã hiệu phương tiện vận chuyển: 51C-00079							
1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký:Ngày: 02/03/2024							
2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:.....Ngày:							
. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 và 2							
Tây Ninh, ngày 02 tháng 03 năm 2024							
			8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4				
(Chữ ký, đóng dấu)			Tây Ninh, ngày 21 tháng 05 năm 2024				
							
			(Chữ ký, đóng dấu)				
Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4□							
hi chú:							
hi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ TÂY NINH			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 1634/2024/3-4-5-6.003.VX				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN			Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.003.VX				
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322							
Địa chỉ cơ sở:			ĐT:				
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:			Mã số QLCTNH:				
Địa chỉ văn phòng:			ĐT:				
Địa chỉ cơ sở:			ĐT:				
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)			Mã số QLCTNH: 72000505.T				
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh			ĐT:				
Địa chỉ cơ sở:			ĐT:				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	1920	TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	720	TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
12	Bóng cách nhiệt	x			11 06 01		HR
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH: (không)		Nước nhập khẩu: (không)		Cửa khẩu nhập (không)			
Số hiệu phương tiện: (không)		Ngày xuất cảng: (không)		Cửa khẩu xuất: (không)			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 70C-16008							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký: Ngày: 24/04/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Tây Ninh, ngày 24 tháng 04 năm 2024				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Tây Ninh, ngày 24 tháng 04 năm 2024			
							
@Liên số: 1□-2□-3□-4□							
Ghi chú:							
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ TÂY NINH		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 2121/2024/3-4-5-6.003.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX					
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây NinhĐT: 02763898322							
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:.....					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)		Mã số QLCTNH: 72000505.T					
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	1750	TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	1850	TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08	6730	TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	10	TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
12	Bông cách nhiệt	x			11 06 01		HR
Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (hân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố định/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
Xuất khẩu CTNH: (không)		Nước nhập khẩu: (không)		Cửa khẩu nhập (không)			
hiệu phương tiện: (không)		Ngày xuất cảng: (không)		Cửa khẩu xuất: (không)			
Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
biểu phương tiện vận chuyển: 70H-04464							
Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký:.....Ngày:23/05/2024							
Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....							
Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính:		8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4					
Tây Ninh, ngày 23 tháng 05 năm 2024		Tháng 5 năm 2024					
							
(Chữ ký, đóng dấu)		(Chữ ký, đóng dấu)					
Số: 10-20-30-40							
hú:.....							
8 trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH
TÂY NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2703/2024/3-4-3-6.005.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-3-6.005.VX
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322
Địa chỉ cơ sở: ĐT:
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) Mã số QLCTNH: 72000505.T
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	2430	TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
1	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
2	Bông cách nhiệt	x			11 06 01		HR

hi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lỏng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

ất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập (không)
ệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

c nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
ệu phương tiện vận chuyển: 70C-11662

ọ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký: Ngày: 26/06/2024

ọ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

guồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính 8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Tây Ninh, ngày 26 tháng 06 năm 2024



tháng 6 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Năm

10-20-30-40

ng trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2847/2024/3-4-5-6.005.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Tráng Bàng, Phường An Tịnh, TX Tráng Bàng, Tỉnh Tây NinhĐT: 02763898322
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) Mã số QLCTNH: 72000505.T
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây NinhĐT:
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01		TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	990	PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	960	TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
12	Bông cách nhiệt	x			11 06 01		HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập: (không)
Số hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 54U-0139

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký:Ngày: 03/07/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:Ngày:

5. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Tây Ninh, ngày 03 tháng 07 năm 2024



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Năm

@Liên số: 1a-2a-3a-4a

Ghi chú:.....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 3238/2024/3-4-5-6.005.VX

Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây NinhĐT: 02763898322
Địa chỉ cơ sở:

Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:ĐT:
Địa chỉ cơ sở:ĐT:

Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) Mã số QLCTNH: 72000505.T
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây NinhĐT:
Địa chỉ cơ sở:ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	2440	TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	60	PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
12	Bông cách nhiệt	x			11 06 01		HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập (không)
Số hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 70C-10472

1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký:Ngày: 25/07/2024

1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:Ngày:

5. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tây Ninh, ngày 25 tháng 07 năm 2024


(Chữ ký, đóng dấu)

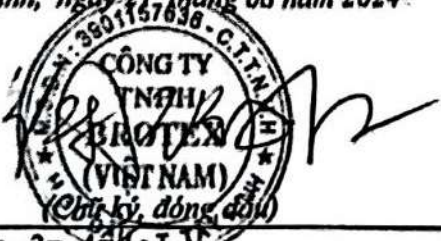
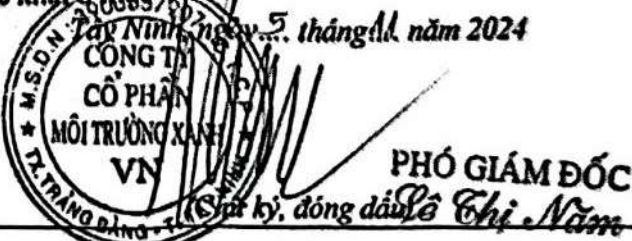
8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Tây Ninh, ngày 25 tháng 07 năm 2024


(Chữ ký, đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Năm

@Liên số: 1a-2a-3a-4a
Ghi chú:
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ TÂY NINH		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 3873/2024/3-4-5-6.005.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX					
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322							
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....							
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:ĐT:.....							
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....							
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)		Mã số QLCTNH: 72000505.T					
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đồng, Xã Phước Đồng, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh ĐT:							
Địa chỉ cơ sở:ĐT:							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	2490	TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13		PT
12	Bóng cách nhiệt	x			11 06 01		HR
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố định/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
i. Xuất khẩu CTNH: (không)		Nước nhập khẩu: (không)		Cửa khẩu nhập (không)			
Số hiệu phương tiện: (không)		Ngày xuất cảng: (không)		Cửa khẩu xuất: (không)			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 70H-04457							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký:.....Ngày:21/08/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Tây Ninh, ngày 21 tháng 08 năm 2024.				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4. Tây Ninh, ngày 21 tháng 08 năm 2024			
							
@Liên số: 10- 20 - 30- 40 - T. TN							
Ghi chú:.....							
Ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 3873/2024/3-4-5-6.005.VX

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) Mã số QLCTNH: 72000505.T
Địa chỉ văn phòng: Đường N12, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	1830	TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03	80	Súc Rửa
3	Phẩm màu và hóa chất nhuộm vải	x			10 02 02		TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC-TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		Súc Rửa
6	Dầu ăn thải		x		16 01 08		TĐ
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01		TĐ
8	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	430	PT-HR
9	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		PT
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ
11	Linh kiện điện tử	x			16 01 13	50	PT
12	Bông cách nhiệt	x			11 06 01		HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); ĐĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (không)	Nước nhập khẩu: (không)	Cửa khẩu nhập (không)
Số hiệu phương tiện: (không)	Ngày xuất cảng: (không)	Cửa khẩu xuất: (không)

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 70C-13661

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Minh Thiện Ký: Ngày: 25/09/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:

5. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).
Tây Ninh, ngày 23 tháng 09 năm 2024

Tây Ninh, ngày 25 tháng 09 năm 2024



(Chữ ký, đóng dấu)

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG XANH
VN**

Ngày 5 tháng 11 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, đóng dấu) *Phạm Thị Năm*

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Shi chú:.....

ghi rõ trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTD

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VƯƠNG QUỐC NAM TN

TN 王国男环境责任有限公司

Số 164 đường Giếng Mịch, Khu phố An Phú,
phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, TN

西宁市展鹏镇安和坊安富区吉恩马赫街

164 号

Số (编号): HP127/24/HĐPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立 自由 幸福

Tây Ninh, ngày 03 tháng 09 năm 2024

西宁市2024年09月03日

HỢP ĐỒNG THU MUA PHÉ LIỆU

废料收购合同

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự, Luật bảo vệ môi trường và pháp luật hiện hành;

根据民法通则, 环境保护法律及现行法律

- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022;

根据越南政府 2022 年 01 月 10 日环境保护法若干条款实施细则的第 08/2022/NĐ-CP 号
议:

- Căn cứ nhu cầu của Công ty TNHH Brotex (Việt Nam) và chức năng của Cty TNHH Môi
Trường Vương Quốc Nam TN

根据百隆(越南)有限公司及 TN 王国男环境责任有限公司的职能

-Tại địa điểm: Cty TNHH Môi Trường Vương Quốc Nam TN

地點: TN 王国男环境责任有限公司

Chúng tôi gồm/双方有:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VƯƠNG QUỐC NAM TN

甲方 : TN 王国男环境责任有限公司

Địa chỉ : Số 164 đường Giếng Mịch, Khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng,
tỉnh Tây Ninh.

地址 : 西宁市展鹏镇安和坊安富区吉恩马赫街 164 号

Điện thoại/電話 : 0905.250937

Fax/傳真:

Mã số thuế/稅號 : 3901327285

✓ Tên tài khoản :

帳戶 :

Số tài khoản/帳號 : 1981363368

Tên ngân hàng : Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - chi nhánh Trảng Bàng

銀行姓名 : (ABC) 亚洲商业股份银行-展鹏分行

✓ Địa chỉ ngân hàng:

銀行地址：

Đại diện : Ông **VƯƠNG QUỐC NAM**
代表者 : 王国男先生

- Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**
职位: 经理

BÊN B: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) – MÃ SỐ DỰ ÁN: 4358612716

乙方: 百隆(越南)有限公司

- Địa chỉ: Lô số 48 đường N11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

地址: 西寧省壽縣福東社福東工業區N11路 48号

- Mã số thuế/税号: 3901157636

- Đại diện là: Ông **TRƯỜNG KHUÊ**
代表人: 张奎

Chức vụ: Tổng Giám Đốc
职位: 总经理

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

甲乙双方经协商达成以下协议:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch

第一条: 交易内容

1. Bên A thu mua các loại phế liệu vẫn còn giá trị thương mại phát sinh sau quá trình sản xuất của bên B, bao gồm các loại như sau:

甲方购买乙方的生产过程中产生的废料具有贸易价值, 包含以下废料:

STT 序号	Tên phế liệu 废料名称	ĐVT 单位	Đơn giá (đồng/đvt) 单价 (越南盾/单位)
01	Giấy carton 纸箱	Kg	3.100
02	Nhựa PP, PE/ PP, PE 塑料 Nhựa dây đai 打包带塑料	Kg	5.500
03	Sắt đặc 废铁	Kg	7.200

2. VAT = 0%.

3. Đơn giá thu mua phế liệu trên là giá tại thời điểm ký hợp đồng.

以上收购报价单是 签收合同效期内的单价。

4. Đơn giá trên là đơn giá tại thời điểm ký hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà đơn giá phế liệu trên thị trường thay đổi, thì hai bên bàn bạc và điều chỉnh đơn giá thể hiện bằng Phụ lục hợp đồng.

以上收购报价单是 签收合同效期内的单价。在执行合同过程当中如处理废料市场单价有变动, 双方就商量与在附录合同调整单价以保障符合市场单价。

5. Đối với các loại phế liệu phát sinh ngoài danh mục trên hai bên sẽ thương lượng đơn giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

关于产生废料未含在以上所提的名单, 双方就商量单价与签署补充附录合同。

Điều 2: Phương thức giao nhận

第二条: 交货方式

1. Bên B giao phế liệu cho Bên A tại kho của Bên B.
乙方交货给甲方在乙方的仓库。
2. Bên A thu mua phế liệu của Bên B khi Bên B có yêu cầu. Bên B thông báo trước cho Bên A 02 ngày để Bên A sắp xếp công việc.
当乙方有需求出销废料, 甲方会收购乙方的废料。乙方通知给甲方 02 天让甲方安排工作。
3. Phương tiện vận chuyển, chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp do Bên A chịu.
运货方式, 运货费用及搬货费用由甲方承担。
4. Khi giao nhận hai bên phải ký xác nhận số lượng và kèm theo phiếu xuất kho của Bên B.
交货时双方要签名确认数量及要有乙方的出货单。

Điều 3: Phương thức thanh toán

第三条: 付款方式

1. Hai bên đối chiếu số lượng phế liệu trong từng chuyến hàng.
双方确认每次出售废料数量
2. Bên A thanh toán tiền thu mua phế liệu cho Bên B sau khi Bên A hoàn tất việc thu gom. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
收购完毕甲方要付款给乙方。付款方式为现金或转款。

Điều 4: Trách nhiệm của hai bên trong việc thực hiện hợp đồng

第四条: 执行合同中双方的责任

1. Bên A thu gom vận chuyển phế liệu của công ty theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển phế liệu ra khỏi kho của Bên B mọi vấn đề về Bên A sẽ chịu trách nhiệm.
甲方按法律规定符合运货方式。当甲方运货出乙方的仓库时, 当甲方将危害废料运出乙方的仓库时因此所有相关的问题将为甲方所属。
2. Bên A phải đảm bảo đúng các thủ tục khai báo hải quan và nộp thuế đầy đủ.
甲方会确保海关手续及交税规定。
3. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong bản hợp đồng này, không được đơn phương thay đổi hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bồi phải thường thiệt hại cho bên kia theo qui định của pháp luật.

双方承诺严肃执行合同所商量的条款。不准单方更改合同, 哪方不安规定执行或单方停止合同并没有正确的理由就要按法律规定赔偿。

Y/C
EX
(AM)
TNY

4/28/2024

Điều 5: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

第五条：纠纷调解协议

Hai bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

双方主动通知执行合同进度。若有不利问题发生各方要及时通知及尽量协商解决。若双方商量未达到结果就投诉给法庭解决。法庭的决定就是最后的决定。所有费用在纠纷解决过程中就由哪方有错误承担支付。

Điều 6: Điều khoản chung

第六条：共同条款

- Các bản phụ lục hợp đồng ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.

各份附录合同（如有）会签，后续是合同中不能分开的一部分。

- Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi thể hiện văn bản có chữ ký đại diện có thẩm quyền của hai bên.

有关更改、补充合同要由双方代表人在文件签署才有效。

Điều 7: Hiệu lực của hợp đồng

第七条 合同有效期

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 03/09/2024 đến ngày 03/09/2025.

本合同有效期为 2024 年 09 月 03 日至 2025 年 09 月 03 日

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

本合同一式 04 份，各方 02 份，具有相同的法律价值。



VƯƠNG QUỐC NAM



TRƯƠNG KHUÊ

CTY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)

百隆(越南)有限公司

Số (编号): HD/BPL/20241214-C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

越南社会主义共和国

独立_自由_幸福

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU

废棉购销合同

Date 日期: DEC.12 2024

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự, Luật bảo vệ môi trường và pháp luật hiện hành;
根据民法, 环境保护法及现行法律。

- Căn cứ nhu cầu của CÔNG TY TNHH PHI AN PHÁT
根据飞安发有限公司的需求。

Tại địa điểm: Công ty TNHH Brotex (Việt Nam).

Hai bên thông qua thỏa thuận và thống nhất lập hợp đồng mua bán phế liệu với các nội dung như sau:
于百隆(越南)有限公司双方通过协商并一致同意签订废棉购销合同, 具体内容如下:

Bên A: CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM

甲方: 百隆(越南)有限公司

Đại diện: ZHANGKUI

Chức vụ: TGD

代表人: 张奎

职务: 总经理

Số ĐT 电话: 0663.530897

Fax 传真: (0084). 066.353.0896

Địa chỉ:

Lô 34-6, đường D11, KCN Phước Đông, X. Phước Đông, H. Gò Dầu, T.
Tây Ninh

地址:

西宁市, 鹅油县, 福东乡, 福东工业园 D11 路, 34-6 地块。

TK ngân hàng:

113002659175 (VNĐ) tại VietinBank-chi nhánh Vietinbank - Chi Nhánh
1, Tp HCM

银行账户

113002659175(VNĐ), 越南工商银行胡志明第一分行。

Mã số thuế:

3901157636

税务编号

Tên chủ tài khoản:

BROTEX(VIETNAM) CO.,LTD

账户名称:

百隆(越南)有限公司

Bên B: CÔNG TY TNHH PHI AN PHÁT

Trang 1/4



乙方：飞安发有限公司

Đại diện : PHẠM QUỐC AN Chức vụ : GĐ
代表人 : 范国安 职务 : 经理
Số ĐT 电话: 0888568492 Fax 传真:
Địa chỉ: Tổ 19 (TTQ11), Ấp Suối Cao A, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
地址: 西宁市鹅卵石县, 福东社, 高泉 A 村, 第 19 组 (TTQ11)
TK ngân hàng: 118002668625 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
银行账户
Mã số thuế: 3901267170
税务编号
Tên chủ tài khoản: CÔNG TY TNHH PHI AN PHÁT
账户名称 飞安发有限公司

ĐIỀU 1: Nội dung giao dịch:

第一条: 交易内容.

1. Bên B thu mua các loại phế liệu vẫn còn giá thương mại phát sinh sau quá trình sản xuất của bên A, bao gồm các loại như sau:

STT 序号	Tên hàng 名称	Số lượng(kg) 数量	Đơn giá(vnd/kg) (usd/kg) 单价	Tổng giá trị(vnd) 总值
01	Phế liệu bông loại 2-3 trắng không nhuộm 气流纺白废棉 OE - SM	400,000	19944(0.783)	7,977,600,000

Ghi chú: Đơn giá này là không bao gồm chi phí vận chuyển do bên B chịu.

备注: 此价为甲方越南工厂毛重自提价

Tỷ giá hối đoái: 1USD = 25,471 VND Ngày 12/12/2024

ĐIỀU 2: Phương thức giao nhận

第二条: 交货方式.

1. Bên A giao phế liệu cho bên B tại kho của Bên A. Phế liệu phải được đóng hoàn chỉnh, Bên A chịu trách nhiệm xếp hàng lên xe của Bên B.

甲方于甲方仓库向乙方交货。货物需要打包好, 甲方负责装货上乙方的车。

2. Thời gian giao hàng như sau 交货时间安排如下:

400 tấn, hoàn tất giao hàng trước ngày 30/01/2025. Số lượng có thể chênh lệch: ± 10%

400 吨, 于 2025 年 1 月 30 日完成交货。总重量允许有 10% 的误差。

Phương tiện vận chuyển, chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp xuống hàng do Bên B chịu.
chi phí lên hàng do Bên A chịu

交通工具, 运费, 卸货费由乙方承担, 装货费由甲方承担。

3. Khi giao nhận hai bên phải ký xác nhận số lượng và kèm theo phiếu xuất kho của bên A.

交货时双方要签字确认数量, 并带有甲方的出库单。

4. Bên A phụ trách khai báo hải quan xuất khẩu, Bên B phụ trách khai báo hải quan nhập khẩu.

甲方负责出口报关, 乙方负责进口报关。

ĐIỀU 3: Phương thức nghiệm thu chất lượng

第三条: 质量验收方式

Bên B nghiệm thu và xác nhận chất lượng sản phẩm tại kho Bên A. Sau khi xuất xưởng bên A không chịu trách nhiệm về vấn đề chất lượng.

乙方在甲方仓库验收确认货物质量。出厂后甲方不承担后续质量问题。

ĐIỀU 4: Phương thức thanh toán

第四条: 付款方式

1. Phương thức thanh toán là chuyển khoản T/T, chuyển khoản trước khi lấy hàng.

付款方式为发货前 T/T 汇款。

2. Kể từ ngày ký hợp đồng trong vòng 7 ngày phải toán 10% tiền hàng để làm tiền đặt cọc,

Chuyển tiền trước khi lấy hàng, trước khi kết thúc hợp đồng chuyển tiền trước rồi nhận hàng.

合同签订起 7 天内付定金 10%, 提货前分批支付, 到本合同最后一次提货时结清。

3. Trọng lượng phế liệu tính theo trọng lượng cả bì.

废棉重量按实际过磅毛重为准。

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

第五条: 权利和义务

1. Bên B cam kết thu gom vận chuyển phế liệu của bên A theo đúng pháp luật hiện hành, khi bên B vận chuyển phế liệu ra khỏi kho của bên A mọi vấn đề về môi trường bên B sẽ chịu trách nhiệm.

乙方承诺按照现行法律收购运输甲方的废棉, 乙方把废棉拉出甲方仓库后发生的所有与环境有关的问题均由乙方负责。

2. Bên B phải đảm bảo đúng các thủ tục khai báo hải quan và nộp thuế đầy đủ.

乙方确保办理好海关手续和缴税。

ĐIỀU 6: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

第六条: 合同纠纷处理

1. Hai bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên không tự giải quyết được phải cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa ra tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết

tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

双方主动互相告知合同的履行情况。如有不能自行解决的问题发生应及时告知对方并妥善处理。如双方无法自行解决则诉诸法院，法院的审批最为最终决定，解决纠纷所产生的所有费用将由错误一方承担。

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第七条: 共同条款

1. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi thể hiện văn bản có chữ ký đại có thẩm quyền của hai bên.

本合同的修改，补充只有在经得双方代表人签订后才具有法律效力。

2. Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

本合同一式 02 份，双发各执 01 份，具有相同法律效力。

Đại diện bên A

甲方代表



Đại diện bên B

乙方代表



Trần Quốc An

CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)

百隆(越南)有限公司

Số (编号): HHD/BPL/20241123-B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

越南社会主义共和国

独立_自由_幸福

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU

废棉购销合同

Date 日期: NOV.22 2024

Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự, Luật bảo vệ môi trường và pháp luật hiện hành;
根据民法, 环境保护法及现行法律。

Căn cứ nhu cầu của CÔNG TY TNHH PHU AN PHÁT
根据飞安发有限公司的需求。

Tại địa điểm: Công ty TNHH Brotex (Việt Nam).

Hai bên thông qua thỏa thuận và thống nhất lập hợp đồng mua bán phế liệu với các nội dung như sau:
百隆(越南)有限公司双方通过协商并一致同意签订废棉购销合同, 具体内容如下:

Bên A: CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM

甲方: 百隆(越南)有限公司

Đại diện: ZHANGKUI

Chức vụ: TGD

Đại diện: 张奎

职务: 总经理

Số ĐT 电话: 0663.530897

Fax 传真: (0084). 066.353.0896

Địa chỉ:

Lô 34-6, đường D11, KCN Phước Đông, X. Phước Đông, H. Gò Dầu, T. Tây Ninh

地址:

西宁市, 鹅油县, 福东乡, 福东工业园 D11 路, 34-6 地块。

TK ngân hàng:

113002659175 (VND) tại VietinBank - chi nhánh Vietinbank - Chi Nhánh 1, 1p HCM

银行账户:

113002659175(VND), 越南工商银行胡志明第一分行。

Mã số thuế:

3901157636

税务编号:

Tên chủ tài khoản:

BROTEX(VIETNAM) CO., LTD

账户名称:

百隆(越南)有限公司

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHI AN PHÁT

Đơn vị: **PHI AN QUỐC AN** Chức vụ: **GD**
 范国安 职务: 经理
 Số điện thoại: **0888568492** Fax 传真:
 Địa chỉ: **Tổ 19 (TTQ11), Ấp Suối Cao A, Xã Phước Đồng, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh Việt Nam**
 西宁市湟源县, 和尔社, 苏泉A村, 第19组 (TTQ11)
 Tài khoản ngân hàng: **118002668625** Ngân hàng **TMCP Công Thương Việt Nam**
 Mã số thuế: **3901267170**
 Đơn vị kinh doanh: **CÔNG TY TNHH PHI AN PHÁT**
 飞安发有限公司

PHẦN I: Nội dung giao dịch:

内容

1.1. Bên B thu mua các loại phế liệu vẫn còn giá thương mại phát sinh sau quá trình sản xuất của Bên A, bao gồm các loại như sau:

Tên hàng 名称	Số lượng(kg) 数量	Đơn giá(vnd/kg) (usd/kg) 单价	Tổng giá trị(vnd) 总值
Phế liệu bông trắng không nhuộm 棉白废棉	300,000	25254(0.99)	7,576,200,000
Phế liệu sợi trắng từ bông 棉白废丝	200,000	35075(1.375)	7,015,000,000
		TOTAL	14,591,200,000

Ghi chú: Đơn giá này là không bao gồm chi phí vận chuyển do bên B chịu.

备注: 此价格为不含运费, 运费由B方承担

Giá trị mua được USD 28 509 USD Ngày 22/11/2024

PHẦN 2: Phương thức giao nhận

第 2 条 交货方式

1. Bên A giao phế liệu cho bên B tại kho của Bên A. Phế liệu phải được đóng hoàn chỉnh, Bên

A chịu trách nhiệm xếp hàng lên xe của Bên B.

甲方于甲方仓库向乙方交货。货物需要打包好，甲方负责装货上乙方的车。

2. Thời gian giao hàng như sau 交货时间安排如下:

500 tấn, hoàn tất giao hàng trước ngày 30/01/2025. Số lượng có thể chênh lệch: $\pm 10\%$

500 吨，于 2025 年 1 月 30 日完成交货。总重量允许有 10% 的误差。

Phương tiện vận chuyển, chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp xuống hàng do Bên B chịu, chi phí lên hàng do Bên A chịu

交通工具，运费，卸货费由乙方承担，装货费由甲方承担。

3. Khi giao nhận hai bên phải ký xác nhận số lượng và kèm theo phiếu xuất kho của bên A.

交货时双方要签字确认数量，并带有甲方的出库单。

4. Bên A phụ trách khai báo hải quan xuất khẩu, Bên B phụ trách khai báo hải quan nhập khẩu.

甲方负责出口报关，乙方负责进口报关。

ĐIỀU 3: Phương thức nghiệm thu chất lượng

第三条：质量验收方式

Bên B nghiệm thu và xác nhận chất lượng sản phẩm tại kho Bên A. Sau khi xuất xưởng bên A không chịu trách nhiệm về vấn đề chất lượng.

乙方在甲方仓库验收确认货物质量。出厂后甲方不承担后续质量问题。

ĐIỀU 4: Phương thức thanh toán

第四条：付款方式

1. Phương thức thanh toán là chuyển khoản T/T, chuyển khoản trước khi lấy hàng.

付款方式为发货前 T/T 汇款

2. Kể từ ngày ký hợp đồng trong vòng 7 ngày phải toán 10% tiền hàng để làm tiền đặt cọc.

Chuyển tiền trước khi lấy hàng, trước khi kết thúc hợp đồng chuyển tiền trước rồi nhận hàng.

合同签订起 7 天内付定金 10%，提货前分批支付，到本合同最后一次提货时结清。

3. Trọng lượng phế liệu tính theo trọng lượng cả bì.

废棉重量按实际过磅毛重为准。

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

第五条：权利和义务

1. Bên B cam kết thu gom vận chuyển phế liệu của bên A theo đúng pháp luật hiện hành, khi bên B vận chuyển phế liệu ra khỏi kho của bên A mọi vấn đề về môi trường bên B sẽ chịu trách nhiệm

乙方承诺按照现行法律收购运输甲方的废棉，乙方把废棉拉出甲方仓库后发生的所有与环境有关的问题均由乙方负责。

2. Bên B phải đảm bảo đúng các thủ tục khai báo hải quan và nộp thuế đầy đủ.

乙方确保办理好海关手续和缴税。

ĐIỀU 6: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

1. Hai bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên không tự giải quyết được phải cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết. Trong hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa ra tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

双方主动互相告知合同的履行情况。如有不能自行解决的问题发生应及时告知对方并妥善处理。如双方无法自行解决则诉诸法院。法院的审批最为最终决定，解决纠纷所产生的所有费用将由错误一方承担。

Điều 7: Điều khoản chung

Điều 7.1: Sửa đổi

1. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi thể hiện văn bản có chữ ký đại có thẩm quyền của hai bên.

本合同的修改、补充只有在经得双方代表人签订后才具有法律效力。

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

本合同一式 02 份，双方各执 01 份，具有相同法律效力。

Đại diện bên A

甲方代表



Đại diện bên B

乙方代表



Thạm Quốc An